

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC Y TẾ**

Số: 105 /SY-CYT

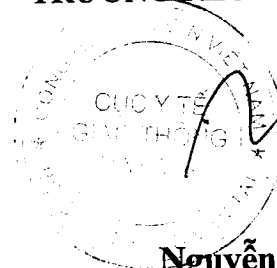
SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc (qua Website Cục Y tế);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: TCCB, VT.

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TCCB - HTQT**



Nguyễn Sỹ Việt

Số: 362/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN của Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định thư về khung pháp lý để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN ký ngày 04 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

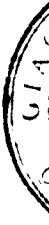
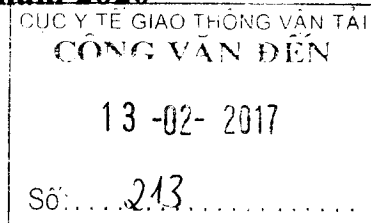
Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN của Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020 (sau đây gọi chung là Kế hoạch) với những nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Kế hoạch nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải triển khai thực hiện tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016, trong đó đảm bảo các mục tiêu:

a) Tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.



b) Tham gia và triển khai đầy đủ Cơ chế một cửa ASEAN theo đúng cam kết và lộ trình thực hiện của các nước ASEAN; sẵn sàng về mặt kỹ thuật để kết nối và trao đổi thông tin với các đối tác thương mại khác ngoài ASEAN theo các hiệp định và thỏa thuận mà Việt Nam là thành viên.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2018

Hoàn thành triển khai mở rộng ra phạm vi toàn quốc các thủ tục đối với phương tiện, hàng hóa vận tải vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi; các thủ tục đối với phương tiện vận tải vào, rời cảng hàng không thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

b) Đến năm 2020

- Hoàn thành triển khai tất cả các thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải liên quan đến quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

- Thời gian thông quan và giải phóng hàng hóa, người và phương tiện liên quan tới các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Giao thông vận tải bằng với nhóm 04 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN.

- Đảm bảo 100% các thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia được thu phí, lệ phí bằng phương thức điện tử.

c) Các chứng từ điện tử (giấy phép điện tử, giấy chứng nhận điện tử và các giấy tờ điện tử tương đương) cấp thông qua Cơ chế một cửa quốc gia được sử dụng khi thực hiện các thủ tục hành chính khác có liên quan.

d) Thực hiện trao đổi và công nhận lẫn nhau về các chứng từ thương mại được cấp dưới dạng điện tử với các nước ASEAN và trao đổi, xử lý chứng từ thương mại với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

e) Đưa Bộ Giao thông vận tải trở thành Bộ dẫn đầu về triển khai Cơ chế một cửa quốc gia.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và cải cách thủ tục hành chính

a) Rà soát và tiến hành sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo định hướng: Cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết; đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính; đơn giản hóa bộ hồ sơ, chứng từ cần phải nộp hoặc xuất trình theo hướng áp dụng tối đa chứng từ điện tử; sử dụng lại các thông tin, chứng từ điện tử, quyết định hành chính thuộc thành phần hồ sơ đã được lưu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia thay vì yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức nộp hoặc xuất trình các thông tin, chứng từ, quyết định hành chính đó.

- Xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch trình Bộ Giao thông vận tải.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hàng Quý báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả triển khai Kế hoạch.

2. Vụ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Trung tâm Công nghệ thông tin, chủ trì tham mưu dự toán kinh phí trình Bộ Tài chính xét, cấp cho Bộ Giao thông vận tải và tổ chức triển khai dự toán được Bộ Tài chính giao.

3. Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan bố trí vốn đầu tư phát triển, vốn chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu chính phủ (nếu có), vốn ODA để thực hiện Kế hoạch.

4. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

- Căn cứ vào nhiệm vụ phân công trong Kế hoạch (Phụ lục kèm theo) để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị mình.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin trong tổ chức triển khai kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì bảo đảm đúng tiến độ, báo cáo Bộ Giao thông vận tải (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) kết quả thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT, TTCNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Trường

b) Đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc cung cấp dịch vụ công mức độ 4 thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

c) Tạo thuận lợi thương mại thông qua áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến như quản lý rủi ro, kiểm tra sau.

d) Tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng các dịch vụ do bên thứ ba cung cấp để đưa ra các tiện ích cho cả doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN.

2. Xây dựng, triển khai hệ thống công nghệ thông tin

a) Xây dựng và phát triển Hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Giao thông vận tải phục vụ Cơ chế một cửa quốc gia theo hướng xử lý tập trung trên nền tảng công nghệ thống nhất nhằm tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả đầu tư, tận dụng nguồn lực cũng như tăng cường khả năng bảo mật, an toàn thông tin.

b) Hoàn thiện Hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Giao thông vận tải, sẵn sàng về mặt kỹ thuật để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN theo lộ trình và đảm bảo trao đổi, xử lý chứng từ thương mại với các nước, khối – cộng đồng kinh tế; giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp nhằm tạo thuận lợi thương mại và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia.

c) Triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia các lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa, hàng không, đường bộ, đăng kiểm trên phạm vi cả nước.

d) Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật để đảm bảo cung cấp các dịch vụ công quốc gia theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

3. Đào tạo, tuyên truyền và hỗ trợ

a) Chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về Cơ chế một cửa quốc gia.

b) Xây dựng, cập nhật tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia Cơ chế một cửa quốc gia; tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện xử lý thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; tuyên truyền nâng cao nhận thức về Cơ chế một cửa quốc gia.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Kế hoạch triển khai các dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Công nghệ thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ.

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA VÀ CƠ CHẾ MỘT CỬA ASEAN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 362 /QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
I	HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
1	Rà soát và tiến hành sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo định hướng: Cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết; đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính; đơn giản hóa bộ hồ sơ, chứng từ cần phải nộp hoặc xuất trình theo hướng áp dụng tối đa chứng từ điện tử; sử dụng lại các thông tin, chứng từ điện tử, quyết định hành chính thuộc thành phần hồ sơ đã được lưu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia thay vì yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức nộp hoặc xuất trình các thông tin, chứng từ, quyết định hành chính đó	2017-2018	Vụ Pháp chế	Các cơ quan, đơn vị
2	Đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc cung cấp dịch vụ công mức độ 4 thông qua Cơ chế một cửa quốc gia	2017-2018	Vụ Pháp chế	Các cơ quan, đơn vị
3	Tạo thuận lợi thương mại thông qua áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến như quản lý rủi ro, kiểm tra sau	2017-2019	Tổng Cục, các Cục	Vụ Pháp chế
4	Tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng các dịch vụ do bên thứ ba cung cấp để đưa ra các tiện ích cho cả doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN	2017-2020	Vụ Pháp chế	Các cơ quan, đơn vị

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan/Đơn vị chủ trì	Cơ quan/Đơn vị phối hợp
II	XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			
1	Xây dựng và phát triển Hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Giao thông vận tải phục vụ Cơ chế một cửa quốc gia theo hướng xử lý tập trung trên nền tảng Cổng thông tin một cửa quốc gia nhằm tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả đầu tư, tận dụng nguồn lực cũng như tăng cường khả năng bảo mật, an toàn thông tin	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	Tổng Cục, các Cục
2	Hoàn thiện Hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Giao thông vận tải sẵn sàng về mặt kỹ thuật để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN theo lộ trình và đảm bảo trao đổi, xử lý chứng từ thương mại với các nước, khối – cộng đồng kinh tế; giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp nhằm tạo thuận lợi thương mại và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia	2017-2020	Trung tâm Công nghệ thông tin	Vụ Hợp tác quốc tế; Tổng Cục, các Cục
3	Triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia các lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa, hàng không, đường bộ, đăng kiểm trên phạm vi cả nước	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	Tổng Cục, các Cục
4	Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật để đảm bảo cung cấp các dịch vụ công quốc gia theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử	2017-2020	Trung tâm Công nghệ thông tin	Tổng Cục, các Cục
III	ĐÀO TẠO, TUYÊN TRUYỀN VÀ HỖ TRỢ			
1	Xây dựng, cập nhật tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN	Hàng năm	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Pháp chế, Trung tâm CNTT, Tổng Cục, các Cục

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
2	Xây dựng kế hoạch, triển khai đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về Cơ chế một cửa quốc gia; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia Cơ chế một cửa quốc gia	Hàng năm	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Pháp chế, Trung tâm CNTT, Tổng Cục, các Cục
3	Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện xử lý thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; tuyên truyền nâng cao nhận thức về Cơ chế một cửa quốc gia	2017-2020	Trung tâm Công nghệ thông tin	Tổng Cục, các Cục

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA VÀ CƠ CHẾ MỘT CỬA ASEAN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 2 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
I	CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ TRIỂN KHAI TRÊN CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA SẼ TRIỂN KHAI MỞ RỘNG TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2018			
1	Thủ tục tàu biển Việt Nam và nước ngoài nhập cảnh tại cảng biển	2017	Trung tâm Công nghệ thông tin	Cục HHVN
2	Thủ tục tàu biển Việt Nam và nước ngoài xuất cảnh tại cảng biển	2017		Cục HHVN
3	Thủ tục tàu biển nước ngoài quá cảnh	2017		Cục HHVN
4	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy	2017-2018		Cục ĐKVN
5	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện nhập khẩu	2017-2018		Cục ĐKVN
6	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe chở người bốn bánh có gắn động cơ hoạt động trong phạm vi hạn chế nhập khẩu	2017-2018		Cục ĐKVN
7	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu	2017-2018		Cục ĐKVN
8	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu	2017-2018		Cục ĐKVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
9	Thủ tục tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	Cục HHVN
10	Thủ tục tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển	2017-2018		Cục HHVN
11	Thủ tục đối với tàu biển Việt Nam và nước ngoài vào cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	2017-2018		Cục ĐTNĐVN
12	Thủ tục đối với tàu biển Việt Nam và nước ngoài rời cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	2017-2018		Cục ĐTNĐVN
II	CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRIỂN KHAI MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2017 – 2018			
1	Thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	Cục HHVN
2	Thủ tục đối với tàu thuyền xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi	2017-2018		Cục HHVN
3	Thủ tục tàu thuyền đã nhập cảnh ở một cảng biển Việt Nam sau đó đến cảng biển khác	2017-2018		Cục HHVN
4	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định qua biên giới	2017-2018		Cục HHVN, Cục ĐTNĐVN
5	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện thủy của Campuchia	2017-2018		Cục ĐTNĐVN
6	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam - Campuchia vào cảng nội địa	2017-2018		Cục ĐTNĐVN
7	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam - Campuchia rời cảng, bến thủy nội địa	2017-2018		Cục ĐTNĐVN
8	Thủ tục tàu bay nhập cảnh vào cảng hàng không	2017-2018		Cục HKVN
9	Thủ tục tàu bay xuất cảnh rời cảng hàng không	2017-2018		Cục HKVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
10	Thủ tục tàu bay quá cảnh	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	Cục HKVN
11	Gia hạn giấy phép liên vận CLV đối với phương tiện của Lào, Campuchia tại Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
12	Cấp giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (xe vận tải hành khách tuyến cố định, vận tải hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa)	2017-2018		TCĐBVN
13	Cấp giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (xe ô tô của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các bộ, cơ quan thuộc bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế có trụ sở đóng tại Hà Nội)			TCĐBVN
14	Cấp giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS	2017-2018		TCĐBVN
15	Cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS	2017-2018		TCĐBVN
16	Cấp giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (của doanh nghiệp, HTX đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế)	2017-2018		TCĐBVN
17	Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS và thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS tại Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
18	Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
19	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định qua biên giới	2017-2018		Cục HHVN
20	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	2017-2018	TCĐBVN	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
21	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	TCĐBVN
22	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
23	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
24	Cấp Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện	2017-2018		TCĐBVN
25	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện	2017-2018		TCĐBVN
26	Chấp thuận đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	2017-2018		TCĐBVN
27	Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	2017-2018		TCĐBVN
28	Chấp thuận ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	2017-2018		TCĐBVN
29	Chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	2017-2018		TCĐBVN
30	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
31	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
32	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại	2017-2018		TCĐBVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
	Việt Nam cho phương tiện của Lào		Trung tâm Công nghệ thông tin	
33	Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	2017-2018		TCĐBVN
34	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp khai thác vận tải giữa Việt Nam và Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
35	Cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện khai thác vận tải giữa Việt Nam và Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
36	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ thuộc các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Văn phòng các bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Hà Nội	2017-2018		TCĐBVN
37	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ, xe của các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái trừ phương tiện của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Văn phòng các bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Hà Nội	2017-2018		TCĐBVN
38	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
39	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã	2017-2018		TCĐBVN
40	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã	2017-2018		TCĐBVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
41	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã	2017 -2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	TCĐBVN
42	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã	2017-2018		TCĐBVN
43	Thủ tục cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào	2017-2018		TCĐBVN
44	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
45	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do mất mát	2017-2018		TCĐBVN
46	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do hư hỏng	2017-2018		TCĐBVN
47	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)	2017-2018		TCĐBVN
48	Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)	2017-2018		TCĐBVN
49	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt -Lào cho phương tiện phi thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
50	Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện phi thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
51	Thủ tục gia hạn Giấy phép liên vận và thời gian lưu hành đối với phương tiện của Lào lưu trú tại Việt Nam	2017-2018	Trung tâm Công nghệ thông tin	TCĐBVN
52	Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) do hư hỏng	2017-2018		TCĐBVN
53	Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) do mất mát	2017-2018		TCĐBVN
54	Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do mất mát	2017-2018		TCĐBVN
55	Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do hư hỏng	2017-2018		TCĐBVN
56	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
57	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
58	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do mất mát	2017-2018		TCĐBVN
59	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt	2017-2018		TCĐBVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
	Nam - Campuchia do hư hỏng		Trung tâm Công nghệ thông tin	
60	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện thương mại	2017-2018		TCĐBVN
61	Thủ tục cấp lại giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
62	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại	2017-2018		TCĐBVN
63	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
64	Thủ tục gia hạn giấy phép liên vận và thời gian lưu hành đối với phương tiện của Campuchia lưu trú tại Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
65	Thủ tục cấp lại giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại do mất mát	2017-2018		TCĐBVN
66	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại do mất mát	2017-2018		TCĐBVN
67	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại do hư hỏng	2017-2018		TCĐBVN
68	Thủ tục cấp lại giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại do hư hỏng	2017-2018		TCĐBVN
69	Thủ tục chấp thuận đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
70	Thủ tục bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố	2017-2018		TCĐBVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
	định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia		Trung tâm Công nghệ thông tin	
71	Thủ tục thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
72	Thủ tục ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam -Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
73	Thủ tục điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	2017-2018		TCĐBVN
74	Thủ tục cấp giấy phép vận tải cho xe công vụ	2017-2018		TCĐBVN
75	Thủ tục cấp giấy phép vận tải loại A, E; loại B, C, F, G lần đầu trong năm	2017-2018		TCĐBVN
76	Thủ tục cấp giấy giới thiệu cấp giấy phép loại vận tải loại D đối với phương tiện của Việt Nam	2017-2018		TCĐBVN
77	Thủ tục cấp giấy phép vận tải loại D đối với phương tiện vận tải của Trung Quốc	2017-2018		TCĐBVN
78	Thủ tục cấp giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm	2017-2018		TCĐBVN
79	Thủ tục cấp lại giấy phép vận tải loại A, E do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
80	Thủ tục gia hạn giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	2017-2018		TCĐBVN
81	Thủ tục cấp lại giấy phép vận tải loại B, C, F, G do hết hạn	2017-2018		TCĐBVN
82	Thủ tục cấp lại giấy phép vận tải loại A, D, E do hư hỏng, mất mát	2017-2018		TCĐBVN
83	Thủ tục chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ	2017-2018		TCĐBVN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan/ Đơn vị chủ trì	Cơ quan/ Đơn vị phối hợp
	giữa Việt Nam và Trung Quốc			
84	Thủ tục chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	2017-2018		TCĐBVN